

# VIỆT NAM THAM GIA GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CAMPUCHIA TẠI HỘI NGHỊ QUỐC TẾ PARIS VỀ CAMPUCHIA GIAI ĐOẠN 1989 - 1991

*Trần Việt Thái\**

## **Tóm tắt**

*Vai trò của Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề Campuchia đến nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Một số ý kiến cho rằng Việt Nam thiệt thòi khi không giữ được mức độ ảnh hưởng đối với Campuchia. Một số ý kiến khác cho rằng Việt Nam đã thành công giải quyết vấn đề, qua đó tạo điều kiện phát triển quan hệ với các nước. Bài viết này cho thấy việc giải quyết vấn đề Campuchia là một tất yếu khách quan. Việt Nam đã đấu tranh ngoại giao cả trực tiếp và gián tiếp và đã có những đóng góp thực chất cho Hội nghị. Mặc dù chịu sức ép lớn của các nước ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (P5), nhưng Việt Nam đã phối hợp khá tốt với Nhà nước Campuchia (SOC). Bài viết nhận định rằng, mặc dù còn ý kiến khác nhau, kết quả của Hội nghị Paris về Campuchia (1993) có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam.*

**Từ khóa:** Campuchia, Hiệp định Paris, Nhà nước Campuchia, Hội đồng dân tộc tối cao, bốn phái Campuchia, Khơ me đỏ.

Vấn đề Campuchia là một trong những vấn đề quan trọng và phức tạp nhất trong chính sách đối ngoại Việt Nam, có tác động rất sâu sắc tới môi trường hòa bình, ổn định và sự phát triển của Việt Nam giai đoạn từ sau 1975 đến nay. Việc giải quyết dứt điểm vấn đề Campuchia đã góp phần quan trọng giúp Việt Nam không chỉ phá được thế bị bao vây, cô lập về đối ngoại suốt từ sau năm 1975, mà còn mở ra một thời kỳ mới hòa bình, ổn định và phát triển thịnh vượng. Tuy nhiên, do nhiều nguyên

---

\* TS, Học viện Ngoại giao.

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

nhân, đến nay vai trò và sự tham gia của Việt Nam trong quá trình giải quyết vấn đề Campuchia, nhất là trong giai đoạn 1989 - 1991 sau khi Việt Nam rút hết quân khỏi Campuchia, vẫn còn ít được đề cập. Bài viết này sẽ tập trung làm rõ vai trò, quan điểm lập trường và sự tham gia của Việt Nam trong tiến trình giải quyết vấn đề Campuchia giai đoạn 1989 - 1991, nhất là tại Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia.

#### **Khái quát về vấn đề Campuchia**

Ngay từ những năm 1950, tại Việt Nam, cụm từ “vấn đề Campuchia” bắt đầu được sử dụng để chỉ tình hình chiến sự tại Campuchia. Đến những năm 1970, đặc biệt là giai đoạn 1975 - 1978, khái niệm “vấn đề Campuchia” xuất hiện trở lại, nhưng chủ yếu đề cập tới tình hình xung đột quân sự giữa Việt Nam và Campuchia Dân chủ dọc biên giới Tây Nam của Việt Nam. Lúc này, bản chất của vấn đề Campuchia chủ yếu vẫn mang tính song phương giữa Việt Nam và Campuchia và mới chỉ bắt đầu liên quan ở một chừng mực nhất định tới các nước như Thái Lan, Trung Quốc... Nhưng từ sau 1/1979, khái niệm “vấn đề Campuchia” liên tục được đề cập trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng ở khu vực và trên thế giới. Bản chất của vấn đề Campuchia cũng dần thay đổi. Cách hiểu về “vấn đề Campuchia” trong giai đoạn 1979 - 1991 rất khác nhau, tùy theo lợi ích và lập trường của từng bên.

Đối với chính quyền nhân dân cách mạng Campuchia, sau này là Nhà nước Campuchia (SOC), vấn đề Campuchia được hiểu là việc chống diệt chủng, ngăn chặn Khơ-me đỏ trở lại nắm quyền, phối hợp bảo vệ tính chính danh của chế độ và tìm kiếm sự công nhận của cộng đồng quốc tế...

Đối với ba phái Khơ-me, bao gồm Khơ-me đỏ do Trung Quốc hỗ trợ, phe bảo hoàng do Sihanouk đứng đầu và phái Son Sann thân phương Tây, vấn đề Campuchia lại bị hiểu theo một hướng hoàn toàn khác, đó là việc loại bỏ chế độ mà họ gọi là “bù nhìn” của Việt Nam và đánh đuổi cái gọi là “sự chiếm đóng và xâm lược” Campuchia của Việt Nam... Đối

với từng phái Kơ-me, mặc dù có một số điểm chung như trên, nhưng do mục tiêu khác nhau, nên cách hiểu về “vấn đề Campuchia” cũng rất khác nhau. Ví dụ, Kơ-me đỏ coi vấn đề Campuchia còn là việc trở lại nắm quyền; với Sihanouk là việc bảo vệ chế độ phong kiến và khôi phục chủ quyền cho Campuchia và khôi phục quyền lực cho hoàng gia và dòng tộc Norodom....

Vấn đề Campuchia là một vấn đề bị quốc tế hóa cao độ. Ở cấp độ khu vực, đó là sự can dự của ASEAN, nhất là Thái Lan... Ở cấp độ toàn cầu, đó là sự can dự của các nước lớn và Liên Hợp Quốc (LHQ). Trong suốt giai đoạn 1979 - 1991, đỉnh cao của quá trình quốc tế hóa vấn đề Campuchia là việc vấn đề này đã trở thành con bài đấu tranh trong khuôn khổ chiến lược của ba nước lớn là Mỹ - Xô - Trung.

Khác với các cuộc xung đột khu vực khác, trong cuộc xung đột Campuchia không chỉ có sự tham gia của ba nước lớn, mà còn có nhiều nước khác như Ấn Độ, Pháp, Ôxtrâyliya... Lợi ích của các nước lớn đan xen nhau, thể hiện qua các nhóm Campuchia với các xu hướng chính trị khác nhau: CHND Campuchia và sau này là SOC được sự ủng hộ của Việt Nam, Liên Xô, Lào và Ấn Độ; Kơ-me đỏ do Trung Quốc nâng đỡ và nhóm Campuchia phi cộng sản (Sihanouk và Son Sann) do Mỹ và phương Tây hỗ trợ. Các nước lớn thống nhất với nhau ở chỗ giải quyết vấn đề Campuchia mà không gạt bỏ lợi ích của bất kỳ bên nào, nhưng cũng có nhiều điểm bất đồng về mức độ thỏa hiệp.

Ở trong Campuchia, các phe phái Kơ-me cũng có lợi ích đan xen lẫn nhau rất phức tạp. Bản thân các nhóm Campuchia cũng cần dựa vào nhau và lợi dụng lẫn nhau: Sihanouk phải dựa vào lực lượng của Kơ-me đỏ để tạo thanh thế; Kơ-me đỏ phải dựa vào uy tín quốc tế của Sihanouk để được hợp pháp hóa và tồn tại; SOC có nhu cầu lợi dụng và tranh thủ Sihanouk để phân hóa liên hiệp ba phái và gạt bỏ vai trò của Kơ-me đỏ... Mặt khác Tây Âu, đặc biệt là Pháp và các nước ASEAN,

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

nhất là Thái Lan và Indônêxia đều có lợi ích và vai trò nhất định trong việc tham gia giải quyết vấn đề Campuchia.

Đối với Việt Nam, vấn đề Campuchia trong giai đoạn 1979 - 1991 cần được hiểu theo nghĩa rộng. Về quân sự, đó là việc Việt Nam có quân ở Campuchia nhằm giúp xây dựng quân đội và chính quyền mọi mặt của Campuchia, giúp ngăn chặn sự quay trở lại cầm quyền của Khơ-me đỏ và chống chiến tranh du kích của các lực lượng Khơ-me ba phái... Về pháp lý, đó là việc đấu tranh để bảo vệ sự hợp pháp của chế độ mới, vạch trần bản chất diệt chủng của chế độ Khơ-me đỏ... Về chuyên gia, đó là việc giúp hồi sinh đất nước Campuchia, quản lý, vận hành đội ngũ chuyên gia... Về chính trị đối ngoại, đó là việc giúp xây dựng và bảo vệ chế độ non trẻ ở Campuchia trên trường quốc tế, đấu tranh trước các thủ đoạn của các thế lực muốn bảo vệ và lợi dụng Khơ-me ba phái, trong đó có Khơ-me đỏ, tạo mặt trận dư luận và quốc tế ủng hộ sự nghiệp chung của nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia... Sau khi Việt Nam rút hết quân khỏi Campuchia (ngày 26/9/1989), quá trình giải quyết vấn đề Campuchia được hiểu là quá trình đấu tranh ngoại giao trên nhiều kênh khác nhau, chủ yếu là tại Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia, nhằm tìm kiếm một giải pháp chính trị toàn bộ để chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Campuchia. Đó là một quá trình đấu tranh cam go và vô cùng phức tạp trên bàn đàm phán với nhiều lực lượng khác nhau ở khu vực và trên thế giới.

#### **Các diễn biến chủ yếu của Hội nghị Paris về Campuchia**

Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia lần đầu tiên được triệu tập từ tháng 7 năm 1989, bao gồm 2 phiên. Phiên 1 diễn ra từ 30/7 - 30/8/1989 và phiên 2 được triệu tập lại từ 21 - 23/10/1991. Phiên 1 của Hội nghị Paris về Campuchia đã thất bại do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng nhất là do quan điểm của các bên còn quá khác xa nhau. Thời gian từ sau 30/8/1989 đến ngày 21/10/1991 là thời kỳ các bên liên quan, nhất là 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (P5)

tham vấn lẫn nhau, mở nhiều kênh khác nhau để mặc cả và thỏa hiệp về lợi ích và quan điểm.

Tại phiên 1 của Hội nghị, các nước lớn chủ yếu thăm dò bằng cách đưa ra các phương án đàm phán rất cao như đòi Việt Nam rút quân, lên án Việt Nam xâm lược Campuchia và đưa người Việt Nam đến định cư lâu dài nhằm xâm chiếm Campuchia, đòi giải tán nhà nước và quân đội SOC...

Trong khi đó quan điểm của Việt Nam và SOC là tách hai mặt quốc tế và nội bộ của vấn đề Campuchia. Việt Nam và các bên nước ngoài chỉ giải quyết mặt quốc tế, phải loại trừ vĩnh viễn diệt chủng, ngăn chặn Pol Pot và Khơ-me đỏ quay trở lại, đồng thời chấm dứt viện trợ, dung túng cho các lực lượng Khơ-me phản động. Mặt nội bộ của vấn đề Campuchia phải do các bên Campuchia quyết định. Đây cũng là quan điểm xuyên suốt của Việt Nam từ khi bắt đầu chủ trương tìm kiếm giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia.

Mặt khác, thời điểm diễn ra phiên 1 của Hội nghị Paris về Campuchia cách thời điểm Việt Nam tuyên bố rút hết quân (26/9/1989) không xa, nên các nước lớn và các lực lượng ba phái Khơ-me còn hy vọng có thể đảo ngược được tình hình ở Campuchia (nhất là về quân sự và kiểm soát chính quyền các cấp) sau khi Việt Nam rút hết quân. Đây là lý do chính giải thích vì sao Phiên 1 của Hội nghị đã thất bại.

Sau khi Việt Nam rút hết quân khỏi Campuchia (9/1989) và Hội nghị Paris phải tạm dừng, tại phiên họp thứ 44 của Đại hội đồng LHQ ở New York (10/1989), Tổng thư ký LHQ đã chỉ rõ vấn đề cơ bản còn tồn tại là vấn đề hòa hợp dân tộc, thực chất thuộc về mặt nội bộ của Campuchia. Từ tháng 1/1990, P5 đã bắt đầu một loạt cuộc gặp cấp cao ở New York và Paris để thảo luận về tình hình Campuchia.

Trong quá trình thảo luận, P5 đã cân nhắc đề xuất của Ngoại trưởng Ôxtrâyliya Gareth Evans về việc tăng cường vai trò của LHQ trong tiến trình giải quyết xung đột và tính tới kết quả thảo luận của các bên

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

Campuchia tại các cuộc gặp không chính thức về Campuchia (IMC) ở Jakarta tháng 2/1990 và ở Tokyo tháng 6/1990. Tới cuộc gặp lần thứ 6 của P5 ngày 27-28/8/1990, 5 nước lớn đã đạt được một thỏa thuận khung về giải pháp chính trị toàn diện cho cuộc xung đột ở Campuchia. Trên cơ sở thỏa thuận khung này, hai đồng Chủ tịch đã triệu tập một cuộc gặp không chính thức giữa các bên Campuchia tại Jakarta ngày 10/9/1990 và đã đưa ra được tuyên bố chung trong đó các bên Campuchia tuyên bố chấp nhận toàn bộ thỏa thuận khung này để giải quyết triệt để vấn đề Campuchia. Tuyên bố chung còn quy định các bên Campuchia sẽ lập một Hội đồng Dân tộc tối cao (SNC), bao gồm đại diện của cả 4 phái Campuchia, với tư cách là đại diện hợp pháp duy nhất và nguồn quyền lực duy nhất ở Campuchia trong suốt thời kỳ quá độ. Ngày 20/9/1990, Hội đồng Bảo an LHQ đã thông qua Nghị quyết số 668 chấp nhận khuôn khổ do P5 đề xuất này.

Tiếp đó, ngày 26/11/1990, P5 đã đạt được thỏa thuận về 3 nội dung chính gồm: (i) Hiệp định chung với các phụ lục chi tiết về Cơ quan Quyền lực Lâmthời của LHQ tại Campuchia (UNTAC); các dàn xếp quân sự trong thời kỳ quá độ; bầu cử; hồi hương người tị nạn CPC và các nguyên tắc để xây dựng một hiến pháp mới cho Campuchia; (ii) Một hiệp định bao gồm các đảm bảo quốc tế; và (iii) Tuyên bố về phục hồi và tái thiết Campuchia. Từ ngày 21 - 23/12/1990, các đồng Chủ tịch đã triệu tập một cuộc họp với SNC để trình lên các thành viên của SNC bản dự thảo ngày 26/11/1990. Tại cuộc họp này, các thành viên SNC đã cơ bản đạt được đồng thuận trên hầu hết các vấn đề. Đến tháng 2/1991, dự thảo Hiệp định đã được hai đồng chủ tịch và đại diện P5 gửi cho Thái Lan và Việt Nam để tham vấn ý kiến.

Trong thời gian từ tháng 6 - 9/1991, các bên SNC đã tiến hành nhiều vòng đàm phán với sự chứng kiến, tham gia của đại diện đặc biệt của Tổng thư ký LHQ, đại diện P5, hai đồng chủ tịch tại Pattaya, Bắc Kinh và Jakarta... Nhiều vấn đề đã lần lượt được giải quyết như ngừng bắn, các dàn xếp quân sự trong thời kỳ quá độ, vấn đề quan sát viên quân

sự, viện trợ tái thiết, bầu cử... Trên cơ sở những kết quả này, phiên thứ hai của Hội nghị Paris về Campuchia đã được triệu tập lại từ 21-23/10/1991 và Hiệp định về một giải pháp chính trị toàn diện cho vấn đề Campuchia đã được ký kết chính thức ngày 23/10/1991, đánh dấu chấm hết cho quá trình kéo dài hơn 12 năm giải quyết vấn đề Campuchia, mở ra thời kỳ quá độ ở Campuchia và hướng tới một cuộc tổng tuyển cử do Liên Hiệp Quốc tổ chức để lập ra một chính phủ Campuchia mới.

### Vai trò và sự tham gia đấu tranh của Việt Nam tại Hội nghị Paris

Đấu tranh ngoại giao của Việt Nam để đi tới Hiệp định Paris là một quá trình rất phức tạp và được tiến hành chủ yếu bằng hai hình thức. *Một là*, tham gia trực tiếp tại một số cuộc họp, hội nghị hoặc trực tiếp đóng góp cho các văn bản, dự thảo Hiệp định mà hai đồng Chủ tịch và P5 đã gửi cho Việt Nam. *Hai là*, gián tiếp thông qua vai trò của SOC trong suốt thời gian từ 9/1989 đến 9/1991, chủ yếu liên quan đến mặt nội bộ của vấn đề Campuchia. Phương thức đấu tranh gián tiếp càng về sau càng ít hiệu quả do Việt Nam không còn quân ở Campuchia và không có nhiều công cụ để gây sức ép cả về đối ngoại và trên thực tiễn tình hình.

Sau khi P5 chính thức đạt được thỏa thuận khung về một giải pháp chính trị toàn bộ cho vấn đề Campuchia (26/11/1990), cuộc đấu tranh về vấn đề Campuchia tập trung xoay quanh các nội dung của dự thảo Hiệp định cho tới khi Hiệp định được ký kết chính thức. Dự thảo Hiệp định Paris về Campuchia của P5 (tổng cộng 8 văn kiện các loại), sau khi được thống kê và phân tích toàn bộ dự thảo, có một số nội dung chi tiết đáng chú ý như sau:

Tổng cộng toàn bộ dự thảo văn kiện Hiệp định có 132 điểm, gồm 63 điểm liên quan tới mặt quốc tế và 69 điểm liên quan tới mặt nội bộ của vấn đề Campuchia. Trong đó, 65 điểm có thể chấp nhận được (40 điểm liên quan đến mặt quốc tế và 25 điểm liên quan đến mặt nội bộ), 30 điểm không thể chấp nhận được (5 điểm liên quan tới mặt quốc tế, 25 điểm liên quan đến mặt nội bộ), 29 điểm cần sửa đổi lớn (10 điểm liên

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

quan đến mặt quốc tế và 19 điểm liên quan đến mặt nội bộ) và có 8 điểm cần sửa đổi nhỏ (tất cả đều liên quan đến mặt quốc tế).

Trong quá trình đấu tranh từ tháng 11/1990 cho đến khi Hiệp định Paris chính thức được ký kết, tựu trung lại nổi lên 5 cụm vấn đề lớn, phức tạp nhất và đấu tranh gay go và quyết liệt nhất, đó là: (i) Vấn đề tổng tuyển cử; (ii) Vai trò của LHQ ở Campuchia trong thời kỳ quá độ; (iii) Thành phần SNC; (iv) Vấn đề diệt chủng; và (v) Vấn đề lực lượng vũ trang của SOC, trong đó vấn đề (iv) và (v) được gộp lại một gói đề mặc cả đánh đổi.

#### **Các vấn đề đấu tranh chủ chốt và quan điểm lập trường của Việt Nam**

##### *Về vấn đề tổng tuyển cử*

Vấn đề tổng tuyển cử ở Campuchia được đưa ra đấu tranh từ rất sớm, bao gồm các nội dung như ai đứng ra tổ chức, giám sát tổng tuyển cử, tổ chức tổng tuyển cử như thế nào... Đối với người dân Campuchia, tổng tuyển cử tự do và công bằng chính là thực hiện quyền tự quyết thiêng liêng của nhân dân Campuchia và tổ chức thành công tổng tuyển cử cũng sẽ chính thức đánh dấu chấm hết thời kỳ quá độ và LHQ phải chuyển giao toàn bộ quyền lực lại cho người dân Campuchia. Việt Nam cho rằng việc tổ chức tổng tuyển cử cần phải căn cứ và triệt để tôn trọng Hiến chương LHQ, cũng như các quyền cơ bản của Campuchia. Đối với người dân Campuchia, tổ chức tổng tuyển cử tự do, công bằng và càng sớm thì Campuchia càng có cơ hội để nhanh chóng ổn định tình hình, ổn định cuộc sống người dân.

Tuy nhiên, một số nước lớn muốn kéo dài thời kỳ quá độ càng lâu càng tốt. Càng kéo dài họ càng có cơ hội để can thiệp vào công việc nội bộ của Campuchia theo hướng có lợi cho họ. Không những thế, thông qua tổng tuyển cử, các nước lớn và lực lượng Khơ-me ba phái còn muốn



giải tán chính quyền SOC, xóa bỏ thành quả của nhân dân Campuchia suốt từ 7/1/1979 và lập một chính phủ liên hiệp do Sihanouk đứng đầu.

Văn kiện dự thảo Hiệp định của P5 không nêu cụ thể về độ dài thời gian của thời kỳ quá độ, nhưng qua các phát biểu công khai trên thực tế cho thấy Mỹ và phương Tây muốn thời gian quá độ này kéo dài từ 18 tháng đến 2 năm; Sihanouk đề nghị từ 1 năm đến 1,5 năm; SOC dự kiến từ 6 tháng đến 1 năm.

Chủ trương của Việt Nam không nêu cụ thể thời gian, nhưng đề xuất nên càng ngắn càng tốt và cần gắn vấn đề tổng tuyển cử với việc thực hiện các quyền tự quyết của nhân dân Campuchia thông qua tổng tuyển cử tự do và công bằng. Việt Nam cho rằng tiến hành tổng tuyển cử sớm là nhu cầu cấp bách để nhân dân Campuchia thực hiện quyền tự quyết của mình. Việt Nam lo ngại nếu kéo dài thời gian tổng tuyển cử, quyền tự quyết của nhân dân Campuchia không được thực hiện, giải pháp không hoàn thiện, vấn đề hòa giải dân tộc và các vấn đề nội bộ khác không được giải quyết, nguy cơ bùng nổ nội chiến vẫn tiềm tàng, đe dọa việc thực hiện giải pháp toàn diện và tổng tuyển cử ở Campuchia.

Kết quả đàm phán cho thấy văn kiện cuối cùng được ký kết đã phản ánh tương đối dung hòa quan điểm của Việt Nam và các bên, không ghi rõ thời gian quá độ và những lo ngại của Việt Nam như đã nêu ở trên. Nhưng trên thực tế, thời kỳ quá độ đã kéo dài 2 năm, dài hơn nhiều so với dự tính của Việt Nam và những lo ngại của Việt Nam về nguy cơ nội chiến đã trở thành sự thực. Campuchia phải mất thêm 8 năm nữa (tới năm 1999 khi Khor-me đồ tan rã hoàn toàn) mới có thể chấm dứt hoàn toàn nội chiến.

### *Vai trò của LHQ trong thời kỳ quá độ*

Thực tiễn ở Campuchia vào cuối những năm 1980 cho thấy vai trò của LHQ trong giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia là không thể tránh khỏi bởi cuộc xung đột ở Campuchia giai đoạn 1979 - 1991 là một

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

vấn đề đã bị quốc tế hóa cao độ và ngay từ đầu LHQ đã can dự vào vấn đề này. Vào cuối những năm 1980, cơ chế hai đồng chủ tịch đại diện cho hai phe XHCN và TBCN là không khả thi và không thực tiễn. LHQ đã can dự rất sâu vào quá trình tìm giải pháp cho vấn đề Campuchia và các nước lớn đã cơ bản nhất trí về vai trò của LHQ. Vấn đề còn lại chỉ là LHQ có vai trò như thế nào và lớn đến mức nào ở Campuchia.

Về phía Việt Nam, Việt Nam đã có rất nhiều kinh nghiệm liên quan tới vai trò của LHQ. Theo yêu cầu của phía Campuchia, Việt Nam đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm về vai trò của LHQ, về những hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ... cho phía Campuchia. Những đóng góp và ý kiến tham mưu ban đầu của Việt Nam là rất đúng, phù hợp với mục đích, yêu cầu và chủ trương của SOC nên phía SOC đã đồng tình triển khai theo quan điểm của Việt Nam, tức là không chấp nhận LHQ đóng vai trò là người tổ chức tổng tuyển cử, mà chỉ là cơ quan giám sát và kiểm soát tổng tuyển cử. Một lý do khác làm cho Campuchia nghe theo quan điểm của Việt Nam về LHQ là vì trong suốt 10 năm liền (1979 - 1989), LHQ luôn đứng về phía Campuchia Dân chủ và trao cho Campuchia Dân chủ quyền đại diện hợp pháp của nhân dân Campuchia tại LHQ, chống lại SOC.

Về phía SOC, ban đầu SOC chủ trương LHQ chỉ kiểm soát và giám sát việc thi hành các điều khoản của Hiệp định trong đó có tổng tuyển cử, còn việc thi hành cụ thể phải được giao cho các bên Campuchia vì LHQ cũng như các nước bên ngoài phải tôn trọng chủ quyền của Campuchia, không được can thiệp vào công việc nội bộ của Campuchia. Quan điểm này khác xa so với quan điểm của Trung Quốc, Mỹ và phương Tây. Mỹ và phương Tây ủng hộ mạnh mẽ vai trò của LHQ trong suốt thời kỳ quá độ, trong khi Trung Quốc và liên hiệp 3 phái lại chủ trương ủng hộ LHQ ở mức vừa phải và SNC mới là cơ quan thực thi và giám sát tổng tuyển cử. Trung Quốc muốn dùng vai trò của SNC để phủ nhận SOC và trong đàm phán khi cần có thể kết hợp giữa SNC tổ chức tổng tuyển cử, LHQ giám sát để loại bỏ hẳn vai trò của SOC. Do

vậy, cuộc đấu tranh giữa các bên Campuchia liên quan đến vấn đề tổng tuyển cử đã lâm vào bế tắc trong một thời gian dài.

Để tháo gỡ tình trạng bế tắc này, một số nước tích cực như Ôxtrâyliya đã đóng vai trò con thoi giữa các bên liên quan. Tháng 11/1989, chính phủ Ôxtrâyliya đưa ra công thức Evans và Ngoại trưởng Ôxtrâyliya Gareth Evans đã cử Thứ trưởng Ngoại giao Costello đến Campuchia trao đổi với Thủ tướng Hunsen. Sau cuộc gặp giữa Thủ tướng Hunsen và Thứ trưởng Costello (1/1990), Quốc hội Campuchia đã nhất trí thông qua Nghị quyết giao toàn quyền tổ chức tổng tuyển cử cho LHQ.

Trên thực tế, cuộc gặp giữa Thủ tướng Hunsen và Thứ trưởng Costello đã bàn và thống nhất về sáng kiến Evans, đó là một công thức trung hòa cả hai quan điểm nêu ở đoạn trên: Để không vi phạm nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của Campuchia, Ôxtrâyliya đề nghị ngừng bắn và lập một cơ cấu dân tộc tạm thời gồm các bên đang tranh chấp để trung trung và thực hiện chủ quyền của Campuchia dưới tên gọi Hội đồng Dân tộc Tôicao (SNC). Sau khi được thành lập, SNC ủy nhiệm cho một cơ cấu tại chỗ của LHQ, gọi là Cơ quan Lâmthời của LHQ tại Campuchia (UNTAC), một số quyền hạn thuộc chủ quyền của Campuchia để bảo đảm thi hành Hiệp định trong một thời gian nhất định. Thời gian này được gọi là thời kỳ quá độ. Sau khi tổ chức thành công tổng tuyển cử, giai đoạn quá độ chấm dứt, UNTAC sẽ giải tán và trao lại toàn quyền lực cho nhà nước Campuchia mới.

Trong quá trình đàm phán, P5 đã nhất trí sử dụng công thức Evans và đã ghi vào dự thảo văn kiện khung. Tuy nhiên, chức năng và mối quan hệ giữa cơ cấu dân tộc (SNC) và cơ cấu của LHQ (UNTAC) là như thế nào thì lại không được quy định cụ thể. Nhìn về tổng thể UNTAC đã được giao những vai trò quá lớn. Đối với văn kiện khung của LHQ đưa ra ngày 28/8/1990 của 5 nước thường trực HDBA/LHQ, Việt Nam đã góp ý với SOC là chỉ chấp nhận văn kiện đó làm cơ sở thảo luận và sau đó ghi thêm một câu là “đòi các bên phải tôn trọng Hiến chương LHQ,

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

tôn trọng chủ quyền Campuchia, vấn đề nội bộ Campuchia giao cho các bên Campuchia giải quyết.” Tuy nhiên, mặc dù SOC đồng ý với ý kiến này của Việt Nam, nhưng trong đàm phán thực tế SOC lại chỉ ghi ngắn gọn là “làm cơ sở cho giải pháp toàn bộ”, thực chất là đã bỏ qua ý kiến đóng góp của Việt Nam. Lúc này, Thủ tướng Hunsen cho rằng cứ giao cả cho LHQ đứng ra tổ chức tổng tuyển cử thì SOC sẽ dễ xử lý hơn.

Đây là tính toán thực tế bởi trong SNC, SOC chỉ là một trong bốn thành phần, ba thành phần còn lại đều là người của ba phái Khơ-me. Cựu đại sứ Ngô Điền cho rằng trong vấn đề vai trò của LHQ, chủ trương của SOC ngay từ đầu đã khác với chủ trương của Việt Nam. Tuy nhiên, ban đầu SOC tôn trọng ý kiến của Việt Nam, nhưng khi cần tháo gỡ bế tắc SOC đã chọn cách làm theo chủ trương riêng của mình. Nếu giao quyền tổ chức tổng tuyển cử cho SNC thì Khơ-me đỏ sẽ có vai trò lớn bởi Khơ-me đỏ có lực lượng vũ trang lớn nhất và mạnh nhất trong liên hiệp ba phái và có chính quyền hai mặt ở nhiều địa phương. Thực tế là giữa hai cái “rất xấu” (SNC) và “xấu” (LHQ), SOC đã chọn phương án “xấu” để dễ xử lý.

#### *Về thành phần Hội đồng Dân tộc Tối cao (SNC)*

Đây là cuộc đấu tranh trong nội bộ Campuchia, nhưng chịu sự chi phối mạnh của các nhân tố bên ngoài, đặc biệt là các nước lớn. Cuộc họp giữa Thủ tướng Hunsen và Hoàn thân Sihanouk tại Tokyo tháng 5/1990 đã đạt được thỏa thuận cơ cấu SNC gồm 12 thành viên chia đều cho 2 bên theo công thức 6 + 6, tức là SOC có 6 thành viên, 6 thành viên còn lại chia đều cho ba phái Sihanouk, Khơ-me đỏ và Son Sann. Tiếp đó, tại cuộc họp ở Jakarta ngày 10/9/1990, các bên Campuchia đã thỏa thuận danh sách 12 thành viên SNC trên cơ sở chia đều (6/6) cho hai bên, nhưng đến cuộc họp tại Bangkok ngày 17/9/1990 thì phát sinh vấn đề mới liên quan tới các bế tắc về vấn đề Chủ tịch và Phó Chủ tịch SNC và con số thành viên là 12 hay 13. Sờ dĩ nảy sinh vấn đề mới trong quá trình

đấu tranh, làm phức tạp thêm tình hình là do các bên có các tính toán khác nhau.

Quan điểm của SOC là tìm cách gạt bỏ vai trò của Sihanouk và không tin là SNC có thể hoạt động hiệu quả vì thực tế SOC mới là người quản lý đất nước Campuchia thực sự. SOC đưa ra nhiều phương án khác nhau để tìm cách kéo dài vấn đề (bỏ Phó Chủ tịch hoặc 2 đồng Chủ tịch, thậm chí đề nghị không cần Chủ tịch vì SNC đã được thành lập). Chỉ đến phút cuối cùng, nếu chịu sức ép lớn, SOC mới chấp nhận Sihanouk là Chủ tịch và Hunsen là Phó Chủ tịch. Các nước lớn, trong đó có Trung Quốc đều muốn con số 13 và muốn đề cao vai trò của N. Sihanouk do Sihanouk là nhân vật duy nhất được các nước lớn chấp nhận.

Kết quả cuối cùng là, đến tháng 7/1991, tại một cuộc gặp không chính thức của SNC tại Bắc Kinh, dưới sức ép của các nước lớn, Sihanouk đã được bầu làm Chủ tịch SNC.<sup>1</sup> Vấn đề này đã để lại bài học là một khi các nước lớn đã áp đặt giải pháp thì nước nhỏ không còn cách nào khác là phải chấp nhận việc đã rồi, cho dù không đúng với ý muốn của mình.

### *Vấn đề diệt chủng và vấn đề lực lượng vũ trang của SOC*

Đề án đấu tranh về nội dung Hiệp định Paris về vấn đề Campuchia thông qua ngày 26/9/1990 đã nêu rất rõ về chủ trương lập trường, nội dung và yêu cầu đấu tranh, cơ sở pháp lý của vấn đề diệt chủng. Theo đó trong vấn đề diệt chủng, Việt Nam lấy công ước về diệt chủng của LHQ được thông qua ngày 9/12/1948, điều 55 và 56 của Hiến chương LHQ, Nghị quyết khóa 43 của Đại hội đồng LHQ, các tuyên bố của JIM-1 và JIM-2, tài liệu của Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia được các trường đoàn thông qua ngày 1/8/1990 và các tuyên bố của các nước lớn như Mỹ, Anh, Liên Xô... về diệt chủng làm cơ sở pháp lý để đấu tranh trong vấn đề này.

---

<sup>1</sup> Theo Trung tâm thông tin về Campuchia, Tài liệu về Hiệp định Pa-ri về Campuchia.

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

Về vấn đề lực lượng vũ trang của SOC, đây là vấn đề then chốt và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì vấn đề này liên quan trực tiếp tới chủ trương phải bằng mọi cách “giữ vững được chủ quyền Campuchia, giữ vững được lực lượng vũ trang và rút ngắn thời gian của thời kỳ quá độ”. Đây cũng là bài học sâu sắc của Hiệp định Geneve về Đông Dương năm 1954. Chủ trương của Việt Nam là kiên quyết giữ nguyên trạng chính quyền và quân đội. Việt Nam chủ trương “kiên quyết đấu tranh để giữ vững lập trường là “ngừng bán tại chỗ, không tiến hành các hoạt động quân sự, khi đi ra ngoài doanh trại không mang theo vũ khí, đồng thời thông báo cho Ủy ban kiểm soát quốc tế biết địa điểm, số quân, và số lượng vũ khí ở mỗi địa điểm đóng quân. Ủy ban kiểm soát quốc tế sẽ kiểm soát và giám sát quá trình này.”

Để bảo vệ được lập trường về vấn đề lực lượng vũ trang, Việt Nam chủ trương gắn vấn đề lực lượng vũ trang của SOC với vấn đề diệt chủng. Nếu đối phương chấp nhận lập trường của Việt Nam và SOC về vấn đề lực lượng vũ trang thì Việt Nam và SOC mới tính tới khả năng nhân nhượng về vấn đề diệt chủng. Cả hai vấn đề diệt chủng và lực lượng vũ trang đều là át chủ bài của cả Việt Nam và Campuchia, do vậy chỉ đến phút cuối cùng, nếu buộc phải nhân nhượng, Việt Nam sẽ đánh đổi vấn đề diệt chủng lấy vấn đề lực lượng vũ trang.

Lập luận của Việt Nam là Hiến chương và công ước LHQ về chống diệt chủng là những văn kiện phải được tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh. Hơn 10 năm qua, LHQ đã coi thường 2 văn kiện trên, đã không có biện pháp nào ngăn chặn chế độ diệt chủng Pol Pot ở Campuchia, trái lại LHQ lại ủng hộ Pol Pot giữ ghế của Campuchia tại LHQ. Nếu ký một hiệp định về Campuchia mà không có điều khoản nào nói đến diệt chủng Pol Pot thì sẽ là một sự vi phạm trắng trợn Hiến chương LHQ và Công ước diệt chủng. Việt Nam không thể chấp nhận một việc làm như vậy. Việt Nam đề cao những kinh nghiệm của thế giới xử lý các phần tử phát-xít sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, đồng thời vạch rõ âm mưu của Khơ-me đỏ đang tăng cường hoạt động quân sự, phá hoại

giải pháp chính trị nhằm lập lại chế độ diệt chủng ở Campuchia. Trên cơ sở đó, Việt Nam đòi phải giải giáp lực lượng vũ trang của Khơ-me đỏ, không cho các phần tử chịu trách nhiệm chính về tội ác diệt chủng tham gia đời sống chính trị ở Campuchia, tham gia chính quyền ở Campuchia. Đồng thời phải tiếp tục duy trì lực lượng vũ trang của SOC là lực lượng duy nhất ở Campuchia chống diệt chủng.<sup>2</sup> Đây là lập luận rất mạnh mẽ và là phương án cao mà Việt Nam đặt ra để mặc cả nhằm đạt được yêu cầu cuối cùng là duy trì lực lượng vũ trang trong thời kỳ quá độ.

Do đây là hai vấn đề cốt tử đối với tất cả các bên nên cuộc đấu tranh diễn ra căng thẳng đến phút chót. Các nước lớn nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề, hiểu được ý đồ đàm phán của Việt Nam và SOC. Do vậy, các nước lớn tìm mọi cách ép Việt Nam và SOC và dứt khoát không chịu nhượng bộ. Sự thể hiện bằng câu chữ trong văn bản cuối cùng của Hiệp định Paris gần như không phải ánh được quan điểm của Việt Nam về cả hai vấn đề diệt chủng và lực lượng vũ trang.

Nhưng trên thực tế, do UNTAC không thể giải giáp được lực lượng vũ trang của Khơ-me đỏ, nên SOC đã có cơ (với tư cách là lực lượng chống diệt chủng quan trọng nhất ở Campuchia) để bảo toàn lực lượng vũ trang và đến khi Khơ-me đỏ phạm một sai lầm nghiêm trọng là quyết định quay trở về rừng tiếp tục chiến tranh du kích và không tham gia tổng tuyển cử thì SOC có lý do chính đáng để bảo toàn lực lượng vũ trang của mình.

### **Đánh giá về kết quả Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia**

Kết quả của Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia là một bộ văn kiện, được gọi chung là Hiệp định Paris về Campuchia, được ký kết chính thức vào tháng 10/1991 bao gồm 8 văn kiện: Hiệp định về một giải pháp chính trị toàn bộ cho cuộc xung đột ở Campuchia và 5 phụ lục kèm theo; Hiệp định liên quan tới chủ quyền, độc lập, toàn vẹn và bất khả

---

<sup>2</sup> Hồ sơ số D.65, tr.267.

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

xâm phạm lãnh thổ, trung lập và thống nhất của dân tộc Campuchia và Tuyên bố về khôi phục và tái thiết Campuchia.

Hiệp định Paris về Campuchia phản ánh sự thỏa hiệp sâu rộng giữa các nước lớn liên quan tới tất cả các mặt quốc tế và nội bộ của vấn đề Campuchia, đồng thời còn phản ánh một phần những kết quả và hạn chế của Việt Nam trong suốt quá trình đấu tranh về vấn đề Campuchia trong giai đoạn 1979 - 1991.

Đối với Việt Nam, sau một quá trình đấu tranh, văn bản chính thức của Hiệp định Paris về Campuchia đã cơ bản phản ánh được nhiều mục tiêu mà Việt Nam muốn đạt được trong mặt quốc tế của vấn đề Campuchia như độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia, tính trung lập và thống nhất dân tộc của Campuchia đã cơ bản được các bên cam kết tôn trọng. Nhìn chung, các vấn đề liên quan đến mặt quốc tế của Campuchia mà Việt Nam trực tiếp tham gia giải quyết đã cơ bản được phản ánh đầy đủ trong nội dung của Hiệp định Paris về Campuchia như việc rút quân đội nước ngoài đi đôi với việc chấm dứt viện trợ của nước ngoài cho các bên Campuchia...

Đối với các vấn đề thuộc nội bộ Campuchia, mức độ thành công đối với Việt Nam và SOC là thấp hơn. Các vấn đề như bảo đảm quốc tế, về hồi hương người tị nạn, phục hồi và tái thiết Campuchia, vấn đề thả tù binh... về cơ bản không có những vi phạm đối với các nguyên tắc và mục tiêu đấu tranh mà Việt Nam đã đề ra. Tuy nhiên, bản Hiệp định đã bộc lộ một số vấn đề:

*Một là*, các văn kiện của Hiệp định cố tình xóa nhòa các mặt quốc tế và các vấn đề thuộc về nội bộ Campuchia. Đây là ý đồ của các nước lớn nhằm lợi dụng danh nghĩa LHQ, thông qua cơ chế UNTAC, để quyết định tất cả các vấn đề của Campuchia nhằm xóa bỏ SOC, xóa bỏ lực lượng vũ trang của SOC, đặt Campuchia dưới quyền cai trị trực tiếp và không hạn chế của LHQ trong thời gian quá độ.



*Hai là*, các văn kiện đã dành cho LHQ những quyền lực quá lớn trong thời kỳ quá độ. Trên thực tế, những gì SNC ủy quyền cho UNTAC đã vi phạm rất nghiêm trọng Hiến chương LHQ về vai trò của LHQ và chủ quyền của các nước hội viên, phá hoại chính bản thân sự tồn tại và hoạt động của LHQ. Hiệp định chính thức đặt Campuchia trong thời kỳ quá độ dưới quyền cai trị trực tiếp và không giới hạn của LHQ là vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của một nước độc lập và là thành viên của LHQ. Đây cũng là mâu thuẫn rất lớn của LHQ và của Hiệp định Paris về Campuchia do chính P5 áp đặt.

Một điểm đáng chú ý khác là UNTAC do Hội nghị Paris tổ chức ra, do SNC trao quyền, nhưng lại không chịu trách nhiệm gì đối với Hội nghị quốc tế Paris và SNC, mà chỉ chịu trách nhiệm với Tổng thư ký LHQ. UNTAC đã gạt bỏ vai trò của các nước ký kết Hiệp định để khẳng định vai trò gần như tuyệt đối tại Campuchia trong thời kỳ quá độ. Do các văn kiện không quy định cụ thể về thành phần của UNTAC nên khả năng đảm bảo vai trò triệt để vô tư và trung lập của UNTAC đã bị các bên nghi ngờ ngay từ đầu.

*Ba là*, các văn kiện này đã không đề cập bất kỳ câu chữ nào tới vấn đề diệt chủng mà chỉ đề cập chung chung dưới cái mũ “nhân quyền”. Các văn kiện không đề cập tới việc loại trừ những cơ sở của chế độ diệt chủng. Rõ ràng, điểm này là có lợi cho các lực lượng của Pol Pot và Khơ-me đỏ, Sihanouk, Son Sann, Mỹ và phương Tây, ASEAN và Trung Quốc. Đây là sự thỏa hiệp giữa họ với nhau và bất lợi cho Campuchia, Việt Nam, Lào. Liên Xô ban đầu tuy có bảo vệ lập trường của Việt Nam, nhưng cuối cùng vì những khó khăn nội bộ và muốn hòa hoãn với Mỹ, Trung Quốc nên đã chấp nhận văn kiện này.

*Bốn là*, trong ba nhiệm vụ mà Việt Nam và SOC đề ra ngay từ đầu là “giữ nguyên trạng chính quyền Campuchia, giữ vững được lực lượng vũ trang và rút ngắn thời gian của thời kỳ quá độ”, nếu chỉ đối chiếu với câu chữ trên văn bản, Việt Nam và Campuchia gần như không đạt được mục

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

tiêu nào. Nhưng nhờ có kinh nghiệm của Hội nghị Geneve 1954, nhờ có thực tiễn đấu tranh phong phú nên SOC đã bảo toàn được lực lượng, đã bảo vệ được các cơ quan đầu não cả bên Đảng và chính quyền các cấp, tạo cơ sở để duy trì được quyền lực về sau này. Đây là sự khác biệt quan trọng giữa văn kiện và thực tiễn triển khai kết quả Hiệp định và là điều kiện quyết định cho sự tồn tại của SOC thời kỳ hậu Hiệp định Paris.

So sánh với Hiệp định Geneve năm 1954, Hiệp định Paris về Campuchia là một bước tiến bộ trên nhiều mặt, từ khâu đàm phán, tới chuẩn bị văn kiện, phối hợp lập trường và đặc biệt là đã hạn chế được đáng kể sự can thiệp không mang tính xây dựng của các nước lớn đối với lập trường của ba nước Đông Dương. Tuy phát sinh mâu thuẫn và cũng phải chịu sức ép nhượng bộ to lớn (điều khó tránh khỏi đối với các nước nhỏ trong đàm phán đối ngoại), nhưng do đã rút ra được những bài học xương máu từ Hiệp định Geneve, Việt Nam và Campuchia (CPP) đã không để lặp lại những sai lầm của quá khứ, đã bảo toàn được lực lượng vũ trang trên thực tế, đã kiên trì tạo được thế mặc cả trong khi đàm phán cũng như khi triển khai Hiệp định để không bị giải tán hoàn toàn cả về quân sự, chính trị và tổ chức, từ đó giữ được thành quả đấu tranh trong suốt gần 13 năm.

Trong quá trình triển khai Hiệp định Paris, LHQ đã đưa vào Campuchia tổng cộng 21.132 nhân viên, trong đó có 15.100 người thuộc thành phần quân sự, 3.600 người thuộc thành phần cảnh sát dân sự, 2.432 chuyên viên dân sự. Bên cạnh đó, UNTAC đã cũng thuê tổng cộng 67.000 người Campuchia giúp việc. Tổng ngân sách mà LHQ dành cho UNTAC trong toàn bộ thời gian hoạt động là 3 tỷ USD. LHQ đã tổ chức xong cuộc Tổng tuyển cử vào tháng 5/1993 và đã trao trả chủ quyền lại cho Campuchia. Có thể nói, dù còn nhiều khiếm khuyết, nhưng LHQ đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ của mình, nhưng Campuchia phải mất thêm 6 năm nữa (đến 1999) mới có được một nền hòa bình thực sự và phải trả một cái giá không hề rẻ.

## **Tác động đối với Việt Nam và thay cho lời kết**

Với Việt Nam, cộng đồng quốc tế có hai luồng ý kiến. Một số ý kiến cho rằng Việt Nam là nước thiệt thòi nhất vì không giữ được mức độ ảnh hưởng đối với Campuchia như trước. Nhưng đa số ý kiến lại cho rằng Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng tại Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia, đó là việc Campuchia không còn là một mối đe dọa về an ninh ở sườn Tây Nam, đã bình thường hóa được quan hệ với cả Mỹ và Trung Quốc, bản thân Việt Nam và khu vực Đông Nam Á không còn chịu sự chi phối và can thiệp sâu rộng của các nước lớn như trước đây và Việt Nam giờ đây có quyền tự do để tự quyết định về vận mệnh tương lai của mình. Tuy nhiên Việt Nam phải gánh chịu những hậu quả to lớn, và nhiều hậu quả kéo dài không thể khắc phục trong một sớm, một chiều.

Nói tóm lại, việc tham gia giải quyết vấn đề Campuchia tại Hội nghị quốc tế Paris của Việt Nam là một tất yếu khách quan, không thể tránh khỏi bởi vì giải pháp quân sự ngay từ đầu đã không thể giải quyết dứt điểm mọi vấn đề. Việt Nam tham gia đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Paris về Campuchia bằng cả phương thức trực tiếp và gián tiếp và đã có những đóng góp thực chất cho Hội nghị, cũng như cho hòa bình, ổn định ở khu vực. Sau khi rút hết quân khỏi Campuchia, Việt Nam vẫn đóng vai trò khá quan trọng (nhưng càng về cuối vai trò của Việt Nam càng giảm và chịu sức ép rất lớn của P5) trong quá trình giải quyết vấn đề Campuchia giai đoạn 1989 - 1991. Sự phối hợp giữa Việt Nam và SOC về tổng thể là tốt. Vai trò của P5 là rất lớn, nhưng P5 rất thô bạo, sẵn sàng mặc cả, thỏa hiệp, bất lợi cho các nước nhỏ.

Căn cứ vào các văn bản cuối cùng của Hiệp định Paris về Campuchia, mặc dù còn có ý kiến đánh giá khác nhau, nhưng xét về tổng thể, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến vô cùng phức tạp, những khó khăn to lớn và khủng hoảng toàn diện mà Việt Nam gặp phải vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, việc đạt được những thành quả như vậy thực sự là thắng lợi lớn, có ý nghĩa chiến lược đối với

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

hòa bình, ổn định và sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam, góp phần giúp đưa Việt Nam thực sự chuyển sang giai đoạn phát triển mới, đúng như tư tưởng chỉ đạo cốt lõi về chuyển hướng chiến lược của Nghị quyết 13 mà Bộ Chính trị đã đề ra năm 1988.

Việc tham gia đấu tranh ngoại giao để giải quyết vấn đề Campuchia tại Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia đã để lại nhiều bài học quý cho Việt Nam, nhất là trong xử lý quan hệ với các nước lớn, trong khâu phối hợp lập trường, tạo thế trên bàn đàm phán.../.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Ngoại giao, *Các văn bản, tài liệu của Hội nghị ngành ngoại giao tháng 9/1988 và Nghị quyết TW 13 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 2262, 1988.
2. Bộ Ngoại giao, *Đề án đấu tranh và báo cáo của Bộ Ngoại giao về các đợt rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia và tổng kết phản ứng dư luận quốc tế về sự kiện này*, Hà Nội, hồ sơ số 3432 và số 5272, 1989.
3. Bộ Ngoại giao, *Báo cáo về Hội nghị quốc tế Paris về Campuchia năm 1989*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 2442, 1989.
4. Bộ Ngoại giao, *Nội dung các cuộc đàm phán Việt - Trung về vấn đề Campuchia năm 1989*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3449, 1989.
5. Bộ Ngoại giao, *Về việc ta rút quân khỏi Campuchia cuối tháng 9/1989*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 2439, 1989.
6. Bộ Ngoại giao, *Vấn đề Campuchia và quan hệ Việt - Mỹ năm 1990*, Hà Nội, hồ sơ số 4585, 1990.

7. Bộ Ngoại giao, *Đề án đấu tranh về vấn đề Campuchia trong thời gian tới, trong các năm từ 1988 - 1990 và biên bản các cuộc họp JIM 1 và JIM2*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3445, 1990.
8. Bộ Ngoại giao, *Đề án phương hướng đấu tranh về vấn đề Campuchia trong thời gian tới và ý kiến của các đồng chí trong BCT về giải pháp Campuchia, từ 1989 - 1990*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3459, 1990.
9. Bộ Ngoại giao, *Báo cáo của Bộ Ngoại giao về diễn biến của việc 3 nước lớn phối hợp với nhau trong vấn đề Campuchia có liên quan đến cuộc gặp cấp cao Việt - Trung, ngày 2/9/1990*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3463, 1990.
10. Bộ Ngoại giao, *Báo cáo đánh giá về dự thảo Hiệp định về giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia, các tháng 11-12/1990*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3466, 1990.
11. Bộ Ngoại giao, *Chú trương, giới thiệu nội dung cơ bản, kết quả về đàm phán ký Hiệp định Paris, tìm kiếm giải pháp về vấn đề Campuchia của SNC năm 1990*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 2909, 1990.
12. Bộ Ngoại giao, *Đề án, sách lược, chiến lược đấu tranh về vấn đề Campuchia của Bộ Ngoại giao năm 1990*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 2910, 1990.
13. Bộ Ngoại giao, *Đấu tranh về nội dung hiệp định về Campuchia từ tháng 9 - 12/1990*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 2914, 1990.
14. Bộ Ngoại giao, *Các văn kiện về giải pháp chính trị toàn bộ cho vấn đề Campuchia do cấp Phó Trưởng đoàn 5 nước thường trực HĐBA/LHQ thông qua ngày 24/8/1990*, Hà Nội và New York, hồ sơ lưu trữ số 3462, 1990.
15. Bộ Ngoại giao, *Đề án về chuyến thăm Việt Nam của hai đồng Chủ tịch Hội nghị Quốc tế Paris về Campuchia và ông Ahmed, Đại diện*

### *Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)*

*đặc biệt của TTK LHQ từ 31/1 đến 3/2/1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3469, 1990.*

16. Bộ Ngoại giao, *Đề án và báo cáo của Bộ Ngoại giao về cuộc đấu tranh ngoại giao trên vấn đề Campuchia trong giai đoạn mới, tháng 7/1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3470, 1991.*
17. Bộ Ngoại giao, *Chiến lược, sách lược của ta trong vấn đề Campuchia và trong quan hệ với Trung Quốc, 1986-1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3474, 1991.*
18. Bộ Ngoại giao, *Quan điểm của ba nước Đông Dương, ASEAN và Liên Hợp Quốc về giải pháp cho vấn đề Campuchia từ năm 1987-1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 750, 1991.*
19. Bộ Ngoại giao, *Đấu tranh về vấn đề Campuchia, năm 1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 2919, 1991.*
20. Bộ Ngoại giao (1991), *Kết luận cuộc họp BCT về việc ký kết Hiệp định Paris về Campuchia và báo cáo về việc ký Hiệp định về Campuchia tại Hội nghị Paris, tháng 10/1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3476.*
21. Bộ Ngoại giao, *Các văn kiện về giải pháp chính trị toàn bộ về Campuchia, ngày 23/10/1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3477, 1991.*
22. Bộ Ngoại giao, *Thông báo của BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia, ngày 14/10/1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 3478, 1991.*
23. Bộ Ngoại giao, *Đại sự ký giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia, Hà Nội, hồ sơ số 3772, 1991.*
24. Bộ Ngoại giao (1991), *Dự thảo khung cho giải pháp chính trị ở Campuchia của LHQ và lập trường quốc tế về vấn đề Campuchia, các năm từ 1987 - 1991, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 5275.*

25. Bộ Ngoại giao, *Đại sứ ký quan hệ Việt Nam - Campuchia giai đoạn 1990 - 1991 (3 tập)*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 4570, 1991.
26. Bộ Ngoại giao, *Ghi chép và hồi ký về Campuchia 1979 - 1991*, Ban Nghiên cứu lịch sử truyền thống Ngoại giao, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 11, 1991.
27. Bộ Ngoại giao, *Đề án và biên bản họp Bộ Chính trị về Campuchia, quyển 1, từ ngày 6/3/1987 - 26/11/1990*, Hà Nội, hồ sơ lưu trữ số 782 (D64), 1991.
28. Bộ Ngoại giao, *Đề án và biên bản họp BCT về Campuchia, quyển 2, từ ngày 12/2/1989 - 14/5/1991*, Hà Nội, hồ sơ số 783 (D65), 1991.
29. Bộ Ngoại giao, *Đề án và biên bản họp BCT về Campuchia, quyển 3, từ 4/5/1991 - 9/11/1991*, Hà Nội, hồ sơ số 784 (D66), 1991.
30. Huỳnh Anh Dũng, *Ghi chép về Campuchia 1975 - 1991*, Hà Nội, 1995.
31. Ngô Điền, *Campuchia: Nhìn lại và suy ngẫm*, Hà Nội, 1991.
32. Trần Huy Chương, *Campuchia hậu UNTAC*, Hà Nội, 1995.